



TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

CÔNG BỐ THÔNG TIN
KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH THANH PHẨM



MẪU SỐ 1

KQKTCL

Năm: 2024

VILAS 1082

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG NƯỚC TUẦN 3 THÁNG 06 NĂM 2024

QCVN 01-1: 2018/BYT

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (<2 NTU)	Mùi, vị	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (≤ 15 TCU)	Coliforms tổng số (0 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (0 MPN / 100ml)	Nhận xét	
1	Chi nhánh cấp nước Xuân Lộc.	Nước sinh hoạt.	Bể chứa - Trạm Định Quán.	19/06/2024	-	7.65	1.20	Không mùi, không vị lạ	0.45	14.30	0/100ml	0/100ml	Đạt	
2		Trạm Định Quán	Nước sinh hoạt.	Phố 5, ấp 5, xã Phú Vinh.	19/06/2024	-	7.64	1.32	Không mùi, không vị lạ	0.40	14.40	0/100ml	0/100ml	Đạt
3		Nước sinh hoạt.	Bệnh viện Định Quán.	19/06/2024	-	7.64	1.17	Không mùi, không vị lạ	0.45	14.30	0/100ml	0/100ml	Đạt	
4		Nước sinh hoạt.	Phố 1, ấp 2, Phú Lợi.	19/06/2024	-	7.55	1.31	Không mùi, không vị lạ	0.40	14.60	0/100ml	0/100ml	Đạt	
5		Trạm Tân Phú	Nước sinh hoạt.	Giếng 1 - Trạm Tân Phú.	19/06/2024	-	6.64	0.07	Không mùi, không vị lạ	0.60	0.37	0/100ml	0/100ml	Đạt
6		Nước sinh hoạt.	Giếng 2 - Trạm Tân Phú.	19/06/2024	-	6.63	0.05	Không mùi, không vị lạ	0.55	0.22	0/100ml	0/100ml	Đạt	
7		Nước sinh hoạt.	Giếng 3 - Trạm Tân Phú.	19/06/2024	-	6.57	0.03	Không mùi, không vị lạ	0.55	0.74	0/100ml	0/100ml	Đạt	

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (<2 NTU)	Mùi, vị	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (≤ 15 TCU)	Coliforms tổng số (0 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (0 MPN / 100ml)	Nhận xét	
8	Chi nhánh cấp nước Xuân Lộc.	Trạm Tân Phú	Nước sinh hoạt.	KP10, Nguyễn Tất Thành.	19/06/2024	-	6.64	0.05	Không mùi, không vị lạ	0.60	0.74	0/100ml	0/100ml	Đạt
9			Nước sinh hoạt.	KCN Tân Phú.	19/06/2024	-	6.56	0.05	Không mùi, không vị lạ	0.60	0.37	0/100ml	0/100ml	Đạt
10			Nước sinh hoạt.	Số 200, cây số 123, Tân Phú.	19/06/2024	-	6.59	0.07	Không mùi, không vị lạ	0.55	0.59	0/100ml	0/100ml	Đạt
11	Chi nhánh cấp nước Biên Hòa.	Nước sinh hoạt.	Bể chứa.	18/06/2024	TCVN 6663-5:2009	6.90	1.33	Không mùi, không vị lạ	0.40	2.96	0/100ml	0/100ml	Đạt	
12			Nhà dân – Số 02 Nguyễn Du, phường Bửu Long, Biên Hòa, Đồng Nai.	18/06/2024	TCVN 6663-5:2009	6.91	0.45	Không mùi, không vị lạ	0.20	1.63	0/100ml	0/100ml	Đạt	
13			Ngân hàng Agribank – Số 180 đường 30/4, phường Thanh Bình, Biên Hòa, Đồng Nai.	18/06/2024	TCVN 6663-5:2009	6.92	0.61	Không mùi, không vị lạ	0.20	1.92	0/100ml	0/100ml	Đạt	
14			UBND phường Quang Vinh - đường Nguyễn Ái Quốc, P. Quang Vinh, Biên Hòa, Đồng Nai.	18/06/2024	TCVN 6663-5:2009	6.88	0.78	Không mùi, không vị lạ	0.20	2.00	0/100ml	0/100ml	Đạt	
15			UBND phường Quyết Thắng - Võ Thị Sáu, P. Quyết Thắng, Biên Hòa, Đồng Nai.	18/06/2024	TCVN 6663-5:2009	6.81	0.48	Không mùi, không vị lạ	0.20	1.78	0/100ml	0/100ml	Đạt	

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (<2 NTU)	Mùi, vị	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (≤ 15 TCU)	Coliforms tổng số (0 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (0 MPN / 100ml)	Nhận xét
16	Chi nhánh cấp nước Biên Hòa.	Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Số 198 Phan Đình Phùng, P. Trung Dũng, Biên Hòa, Đồng Nai.	19/06/2024	TCVN 6663-5:2009	6.86	0.41	Không mùi, không vị lạ	0.20	1.63	0/100ml	0/100ml	Đạt
17		Nước sinh hoạt.	Nhà dân - Ấp Nhị Hòa, P. Hiệp Hòa, Biên Hòa, Đồng Nai.	19/06/2024	TCVN 6663-5:2009	6.85	0.40	Không mùi, không vị lạ	0.40	1.63	0/100ml	0/100ml	Đạt
18		Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Đường D5/ Võ Thị Sáu, P. Thống Nhất, Biên Hòa, Đồng Nai (cạnh Bệnh viện ITO Sài Gòn – Đồng Nai).	19/06/2024	TCVN 6663-5:2009	7.11	0.36	Không mùi, không vị lạ	0.20	1.70	0/100ml	0/100ml	Đạt
19		Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Số 68 Nguyễn Văn Trị, P. Hòa Bình, Biên Hòa, Đồng Nai.	19/06/2024	TCVN 6663-5:2009	6.94	0.56	Không mùi, không vị lạ	0.20	1.78	0/100ml	0/100ml	Đạt
20	Chi nhánh cấp nước Thiện Tân.	Nước sinh hoạt.	Bể chứa.	18/06/2024	TCVN 6663-5:2009	6.85	0.35	Không mùi, không vị lạ	0.50	1.33	0/100ml	0/100ml	Đạt
21		Nước sinh hoạt.	Tầng áp Thiện Tân 2 – Đường Điều Xiển, KP9, P. Tân Biên, Biên Hòa, Đồng Nai.	18/06/2024	TCVN 6663-5:2009	6.89	0.38	Không mùi, không vị lạ	0.50	1.63	0/100ml	0/100ml	Đạt
22		Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Hẻm 528 QL1A, KP5, P. Tân Hiệp, Biên Hòa, Đồng Nai (gần bệnh viện nhi Đồng Nai).	18/06/2024	TCVN 6663-5:2009	6.85	0.38	Không mùi, không vị lạ	0.45	1.70	0/100ml	0/100ml	Đạt
23		Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Số 23D đường Đồng Khởi, P. Tam Hòa, Biên Hòa, Đồng Nai (gần bệnh viện đa khoa Đồng Nai).	18/06/2024	TCVN 6663-5:2009	6.79	0.37	Không mùi, không vị lạ	0.45	1.55	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (<2 NTU)	Mùi, vị	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (≤ 15 TCU)	Coliforms tổng số (0 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (0 MPN / 100ml)	Nhận xét
24	Chi nhánh cấp nước Thiện Tân	Nước sinh hoạt.	Trung tâm kiểm soát bệnh tật cơ sở 2 – QL51, P. Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai.	18/06/2024	TCVN 6663-5:2009	6.95	0.55	Không mùi, không vị lạ	0.30	1.78	0/100ml	0/100ml	Đạt
25		Nước sinh hoạt.	UBND phường Tân Phong – Đường Hồ Hòa, P. Tân Phong, Biên Hòa, Đồng Nai.	18/06/2024	TCVN 6663-5:2009	6.87	0.36	Không mùi, không vị lạ	0.35	1.78	0/100ml	0/100ml	Đạt
26		Nước sinh hoạt.	KCN Biên Hòa I- Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai	18/06/2024	TCVN 6663-5:2009	6.85	0.56	Không mùi, không vị lạ	0.30	1.78	0/100ml	0/100ml	Đạt
27		Nước sinh hoạt.	Công ty CP Sonadezi Long Bình – KCN Biên Hòa 2, P. An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai.	18/06/2024	TCVN 6663-5:2009	6.85	0.43	Không mùi, không vị lạ	0.40	1.72	0/100ml	0/100ml	Đạt
28		Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Số 148 Nguyễn Ái Quốc, P. Trảng Dài, Biên Hòa, Đồng Nai. (Gần bệnh viện đa khoa Tâm Hồng Phước).	19/06/2024	TCVN 6663-5:2009	6.89	0.30	Không mùi, không vị lạ	0.35	1.70	0/100ml	0/100ml	Đạt
29		Nước sinh hoạt.	Bệnh viện răng hàm mặt Việt Anh Đức - Số 109, đường Đồng Khởi, P. Tam Hiệp, Biên Hòa, Đồng Nai.	19/06/2024	TCVN 6663-5:2009	6.86	0.34	Không mùi, không vị lạ	0.20	2.00	0/100ml	0/100ml	Đạt
30		Nước sinh hoạt.	Nhà dân – KP2, P. Hố Nai, Biên Hòa, Đồng Nai.	19/06/2024	TCVN 6663-5:2009	6.84	0.31	Không mùi, không vị lạ	0.35	1.63	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (<2 NTU)	Mùi, vị	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (≤ 15 TCU)	Coliforms tổng số (0 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (0 MPN / 100ml)	Nhận xét
31	Chi nhánh cấp nước Thiện Tân	Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Số 52 Vũ Hồng Phô, P. Bình Đa, Biên Hòa, Đồng Nai.	19/06/2024	TCVN 6663-5:2009	6.90	0.31	Không mùi, không vị lạ	0.40	1.41	0/100ml	0/100ml	Đạt
32		Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Số 248 đường Phan Trung, P. Tân Mai, Biên Hòa, Đồng Nai.	19/06/2024	TCVN 6663-5:2009	6.84	0.30	Không mùi, không vị lạ	0.35	1.63	0/100ml	0/100ml	Đạt
33		Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Số 77 Mạc Đình Chi, KP10, P. An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai.	19/06/2024	TCVN 6663-5:2009	6.86	0.32	Không mùi, không vị lạ	0.40	1.48	0/100ml	0/100ml	Đạt
34		Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Số 252/14, KP2, đường Dương Tử Giang, P. Tân Tiến, Biên Hòa, Đồng Nai.	19/06/2024	TCVN 6663-5:2009	6.85	0.30	Không mùi, không vị lạ	0.35	1.70	0/100ml	0/100ml	Đạt
35		Nước sinh hoạt.	Tăng áp KCN Biên Hòa II - KCN Biên Hòa 2, phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai.	19/06/2024	TCVN 6663-5:2009	6.85	0.34	Không mùi, không vị lạ	0.35	1.63	0/100ml	0/100ml	Đạt
36	Chi nhánh cấp nước Long Bình.	Nước sinh hoạt.	Bể chứa.	18/06/2024	TCVN 6663-5:2009	6.88	1.04	Không mùi, không vị lạ	0.40	2.37	0/100ml	0/100ml	Đạt
37		Nước sinh hoạt.	Nhà dân - Số 111, KP5A, P. Long Bình, Biên Hòa, Đồng Nai.	18/06/2024	TCVN 6663-5:2009	7.18	0.50	Không mùi, không vị lạ	0.30	1.92	0/100ml	0/100ml	Đạt
38		Nước sinh hoạt.	KCN Hồ Nai – xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai.	19/06/2024	TCVN 6663-5:2009	6.90	0.30	Không mùi, không vị lạ	0.30	1.65	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (<2 NTU)	Mùi, vị	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (≤ 15 TCU)	Coliforms tổng số (0 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (0 MPN / 100ml)	Nhận xét
39	Chi nhánh cấp nước Long Bình	Nước sinh hoạt.	Nhà dân – Số 2 QL1A, P. Tân Hòa, Biên Hòa, Đồng Nai.	19/06/2024	TCVN 6663-5:2009	6.94	0.57	Không mùi, không vị lạ	0.40	2.07	0/100ml	0/100ml	Đạt
40		Nước sinh hoạt.	Trạm y tế phường Tân Biên – QL1A, KP5, P. Tân Biên, Biên Hòa, Đồng Nai.	19/06/2024	TCVN 6663-5:2009	6.89	0.53	Không mùi, không vị lạ	0.30	1.70	0/100ml	0/100ml	Đạt
41	Chi nhánh cấp nước Vĩnh An	Nước sinh hoạt.	Bể chứa.	18/06/2024	–	6.96	0.47	Không mùi, không vị lạ	0.70	1.92	0/100ml	0/100ml	Đạt
42		Nước sinh hoạt.	Trường THCS Vĩnh An, KP6, thị trấn Vĩnh An, Vĩnh Cửu, Đồng Nai.	18/06/2024	–	6.93	0.37	Không mùi, không vị lạ	0.60	1.47	0/100ml	0/100ml	Đạt
43		Nước sinh hoạt.	Bệnh viện đa khoa Vĩnh Cửu, KP5, thị trấn Vĩnh An, Vĩnh Cửu, Đồng Nai.	18/06/2024	–	7.07	0.26	Không mùi, không vị lạ	0.55	1.63	0/100ml	0/100ml	Đạt
44		Nước sinh hoạt.	Trường mầm non Phong Lan, KP8, thị trấn Vĩnh An, Vĩnh Cửu, Đồng Nai.	18/06/2024	–	6.75	0.47	Không mùi, không vị lạ	0.50	2.37	0/100ml	0/100ml	Đạt
45		Nước sinh hoạt.	UBND huyện Vĩnh Cửu, KP2, thị trấn Vĩnh An, Vĩnh Cửu, Đồng Nai.	18/06/2024	–	6.76	0.51	Không mùi, không vị lạ	0.45	2.52	0/100ml	0/100ml	Đạt
46		Nước sinh hoạt.	Trường THCS Lê Quý Đôn, KP8, thị trấn Vĩnh An, Vĩnh Cửu, Đồng Nai.	18/06/2024	–	6.72	0.45	Không mùi, không vị lạ	0.40	1.92	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (<2 NTU)	Mùi, vị	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (≤ 15 TCU)	Coliforms tổng số (0 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (0 MPN / 100ml)	Nhận xét
47	Chi nhánh cấp nước Vĩnh An	Nước sinh hoạt.	Huyện ủy Vĩnh Cửu, KP8, thị trấn Vĩnh An, Vĩnh Cửu, Đồng Nai.	18/06/2024	-	6.83	0.34	Không mùi, không vị lạ	0.35	1.63	0/100ml	0/100ml	Đạt
48		Nước sinh hoạt.	Trường tiểu học Cây Gáo, KP2, thị trấn Vĩnh An, Vĩnh Cửu, Đồng Nai.	18/06/2024	-	6.71	0.45	Không mùi, không vị lạ	0.35	2.22	0/100ml	0/100ml	Đạt
49		Nước sinh hoạt.	Nhà dân - Ấp 2, xã Vĩnh Tân.	18/06/2024	-	6.70	0.50	Không mùi, không vị lạ	0.30	2.37	0/100ml	0/100ml	Đạt
50	Chi nhánh cấp nước Thạnh Phú	Nước sinh hoạt.	Bể chứa.	18/06/2024	-	6.78	0.25	Không mùi, không vị lạ	0.70	1.17	0/100ml	0/100ml	Đạt
51		Nước sinh hoạt.	Nhà dân, ấp 6+7, xã Thiện Tân.	18/06/2024	-	6.96	0.31	Không mùi, không vị lạ	0.50	1.78	0/100ml	0/100ml	Đạt
52		Nước sinh hoạt.	Nhà dân, ấp 1, xã Thạnh Phú.	18/06/2024	-	6.98	0.32	Không mùi, không vị lạ	0.40	1.70	0/100ml	0/100ml	Đạt
53		Nước sinh hoạt.	UBND xã Bình Hòa.	18/06/2024	-	6.90	0.34	Không mùi, không vị lạ	0.30	1.70	0/100ml	0/100ml	Đạt
54		Nước sinh hoạt.	Nhà dân, ấp Bình Ý, xã Tân Bình.	18/06/2024	-	6.04	0.42	Không mùi, không vị lạ	0.30	2.20	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (<2 NTU)	Mùi, vị	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (≤ 15 TCU)	Coliforms tổng số (0 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (0 MPN / 100ml)	Nhận xét
55	Chi nhánh cấp nước Nhơn Trạch	Nước sinh hoạt.	Bể chứa.	18/06/2024	TCVN 6663-5:2009	6.79	0.32	Không mùi, không vị lạ	0.50	1.26	0/100ml	0/100ml	Đạt
56		Nước sinh hoạt.	KCN Amata - phường Long Bình, Biên Hòa, Đồng Nai.	19/06/2024	TCVN 6663-5:2009	6.86	0.24	Không mùi, không vị lạ	0.35	1.48	0/100ml	0/100ml	Đạt
57		Nước sinh hoạt.	KCN Loteco - phường Long Bình, Biên Hòa, Đồng Nai.	19/06/2024	TCVN 6663-5:2010	6.92	0.27	Không mùi, không vị lạ	0.35	1.48	0/100ml	0/100ml	Đạt

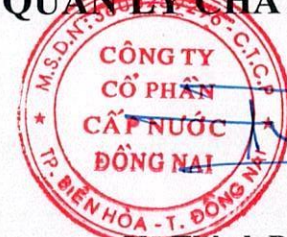
Ghi chú:

Dấu (-) : Do đơn vị tự lấy mẫu.

Biên Hòa, ngày 24 tháng 06 năm 2024

TU. GIÁM ĐỐC

TP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC



Võ Thành Phương